

“DALIT” VÀ PHONG TRÀO CẢI GIÁO TẠI ẤN ĐỘ THẾ KỶ XIX - XX (Phần đầu)

Tóm tắt: Gần 70 năm sau độc lập, hàng triệu người thuộc tầng lớp Dalit ở Ấn Độ vẫn đang phải chịu đựng tình trạng phân biệt đối xử nặng nề và hà khắc. Chính bởi vậy, người Dalit buộc phải tìm con đường thoát khỏi tình trạng đó. Phần thứ nhất của nghiên cứu này, tác giả tập trung trình bày một trong những biện pháp được nhiều cộng đồng đẳng cấp thấp tại Ấn Độ lựa chọn trong thế kỷ XIX - XX, đó là rời bỏ Hindu giáo để chuyển sang một tôn giáo khác hay còn được gọi là “phong trào cải giáo” của những người thuộc đẳng cấp thấp.

Từ khóa: Ấn Độ, Dalit, cải giáo, Hindu giáo, Islam giáo, Kitô giáo, Phật giáo.

1. Đặt vấn đề

Là một quốc gia theo thể chế dân chủ nghị viện đa đảng với diện tích xếp thứ 7 và dân số lớn thứ 2 trên thế giới với hơn 1,271 tỷ người (năm 2015), chiếm hơn 1/6 dân số của toàn thế giới¹, Ấn Độ được chia thành 29 bang và 6 vùng lãnh thổ liên bang. Do diện tích rộng lớn và dân số đông, địa hình phân hóa đa dạng từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây nên Ấn Độ là một quốc gia phong phú về tài nguyên thiên nhiên, đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ, tộc người. Chính vì lý do đó mà ngay từ xa xưa, tiểu lục địa Ấn Độ đã trở thành đích đến của nhiều cộng đồng người di cư.

Nền tảng của Hindu giáo ngày nay hình thành tại Ấn Độ ngay từ thời cổ đại, thông qua các bộ kinh *Veda*, *Luật Manu*, *Smriti*, *Upanishads*,... đã tạo lập cơ sở ban đầu cho nhiều hợp phần của cuộc sống xã hội. Nhắc tới Hindu giáo, không thể không nhắc tới hệ thống đẳng cấp - một hệ thống được sử dụng để phân chia xã hội thành các tầng lớp khác nhau dựa trên nghề nghiệp và nguồn gốc. Qua lịch sử phát triển hàng ngàn năm, hệ thống này ngày nay vẫn được duy trì tại nhiều vùng khác

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ. Khoa Đông Phương học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Hà Nội.

nhau của Ấn Độ, không chỉ hạn chế trong cộng đồng Hindu giáo mà còn mở rộng ảnh hưởng sang các tôn giáo khác. Sự phân tầng theo chiều dọc này cùng với tư tưởng bảo lưu mô hình truyền thống vốn thông qua hệ thống nội hôn đã dẫn tới khoảng cách trên - dưới, cao - thấp ngày càng trở nên sâu sắc. Theo đó, những người ở vị trí thấp nhất trong hệ thống gọi là "Untouchables" (Người cùng đinh, Kẻ không được động chạm tới) hay "Dalit" cũng tương đương với vị trí thấp nhất trong xã hội. Sự phân biệt đối xử của đẳng cấp cao đối với đẳng cấp thấp là một trong những mặt tiêu cực rõ ràng nhất đang được thực hành phổ biến của tôn giáo này.

Sau khi giành độc lập năm 1947, Ấn Độ bên cạnh việc cam kết thực hiện Tuyên ngôn nhân quyền của Liên Hợp quốc cũng đồng thời tuyên bố là một quốc gia theo chủ nghĩa thế tục, không công nhận bất cứ tôn giáo nào là tôn giáo chủ lưu. Đây là một trong những mục tiêu của mô hình dân chủ mà quốc gia đông dân này đang cố gắng theo đuổi. Mặc dù năm 1950, Hiến pháp Ấn Độ đã quy định xóa bỏ thực hành "Untouchability" cùng với nhiều đạo luật, biện pháp bảo vệ cũng như đưa ra các ưu đãi, hỗ trợ khác, nhưng gần 70 năm sau độc lập vẫn không mang lại kết quả như mong muốn khi hàng triệu Dalit vẫn phải chịu đựng sự phân biệt đối xử nặng nề và hà khắc tại nhiều nơi trên cả nước. Phát biểu tại "Hội nghị về Bất bình đẳng Đẳng cấp và Xã hội" ở New Delhi ngày 27/12/2006, Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh đã so sánh tình trạng của cộng đồng Dalit với những người nô lệ da đen ở Nam Phi trong chế độ Apartheid: "Những người Dalit đã phải đối mặt với sự phân biệt đối xử độc nhất trong xã hội của chúng ta, chỉ có duy nhất một hình thức tương đương với Untouchability chính là Apartheid. Untouchability không chỉ là sự phân biệt đối xử trong xã hội mà còn là một vết nhơ của lịch sử nhân loại"². Chính bởi vậy, Dalit bắt buộc phải tìm ra con đường cho riêng mình để thoát khỏi tình trạng đó. Một trong những biện pháp được nhiều cộng đồng đẳng cấp thấp tại Ấn Độ lựa chọn trong thế kỷ XIX - XX là rời bỏ Hindu giáo để chuyển sang một tôn giáo khác. Tuy nhiên, liệu cuộc sống của những nhóm người thấp kém trong xã hội, đặc biệt là tầng lớp Dalit, có thực sự thay đổi tốt hơn sau khi từ bỏ Hindu giáo để chuyển sang một tôn giáo khác hay không?

Hệ thống đẳng cấp là một hệ thống xã hội tiêu biểu tại khu vực Nam Á. Không có nền văn hóa nào trên thế giới mà sự phân tầng cao - thấp

trong xã hội lại có ảnh hưởng sâu sắc tới mọi lĩnh vực của đời sống, tồn tại vững chắc và được công nhận như hệ thống này. Sự bất bình đẳng gay gắt giữa các đẳng cấp, đặc biệt là việc thực hành Untouchability phổ biến, là một trong những mặt tiêu cực khác biệt của văn hóa Hindu giáo so với các nền văn hóa khác. Điều này đã thu hút sự chú ý của nhiều học giả nghiên cứu cũng như các tổ chức trong và ngoài Ấn Độ.

Giai đoạn thuộc Anh chính là giai đoạn mở đầu cho nhiều nghiên cứu của các học giả Phương Tây về Ấn Độ học nói chung và hệ thống đẳng cấp nói riêng. Các nghiên cứu tiêu biểu như của William Jones, Thomas Colebrooke, James Mill, Thomas R. Trautmann, Max Muller, Theodore Goldstucker... tập trung vào văn hóa và tôn giáo Hindu mặc dù không thực sự chính xác, mang nặng tính chủ quan, tập trung nhấn mạnh vai trò của người Anh và Kitô giáo tại Ấn Độ nhưng vẫn được coi là những người tiên phong mang văn hóa Ấn Độ tới Châu Âu. Cũng từ đó mà hàng loạt các nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực văn hóa, chính trị, kinh tế,... Ấn Độ được tiến hành. Dalit và cải giáo là hai vấn đề đã được nhiều học giả tìm hiểu, tuy nhiên điểm khác biệt trong bài nghiên cứu này là việc tập trung phân tích hiện trạng của Dalit cũng như phong trào cải giáo sang 3 tôn giáo chính là Phật giáo, Islam giáo và Kitô giáo giới hạn trong bối cảnh kinh tế - xã hội - chính trị thế kỷ XIX - XX. Đồng thời, tác giả cũng muốn làm rõ là sự thay đổi của Dalit ở các khía cạnh kinh tế, giáo dục, xã hội thông qua phong trào cải giáo trong giai đoạn XIX - XX.

2. Dalits là ai?

Dalit trong ngôn ngữ Sanskrit có nghĩa là “đất”, “bị đè nén”, “bị giày xéo” hoặc “tan vỡ”, là một từ được sử dụng bởi chính những cộng đồng đẳng cấp thấp để chỉ về tình trạng hiện tại của mình. Dalit là một tập hợp nhiều nhóm xã hội, nói những ngôn ngữ khác nhau và sinh sống phổ biến tại nhiều khu vực ở Nam Á. Dalit cũng được biết đến với nhiều tên gọi như Panchamas - đẳng cấp thứ 5, Untouchables - không thể chạm vào, Harijan³ - đứa con của thần thánh, Adi Dravida, Adi Karnataka, Adi Andhra và Adi-Dharmi⁴... Trong Hiến pháp năm 1950, Chính phủ Ấn Độ sử dụng thuật ngữ Scheduled Castes - Đẳng cấp được định danh và Scheduled Tribes - Bộ tộc được định danh (SCs/STs) trong các tài liệu, văn bản chính thức để xác định các nhóm và bộ tộc này.

Để có thể xác định được hiện trạng của Dalit ngày nay, trước hết, cần hiểu về hệ thống đẳng cấp tại Ấn Độ. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu

được thực hiện, tuy nhiên rất khó để có thể đưa ra một định nghĩa chính xác cho hệ thống này.

Về cơ bản hệ thống đẳng cấp Ấn Độ bao gồm ba đặc điểm chính⁵:

Thứ nhất, là sự phân chia người trong xã hội thành các nhóm (đẳng cấp) dựa trên nguồn gốc, nghề nghiệp và mang tính kế thừa từ đời này sang đời khác.

Thứ hai, quyền lợi cơ bản giữa các đẳng cấp không bình đẳng và mang tính thứ bậc. Những người đẳng cấp trên có nhiều quyền lợi nhất, nhưng thực hiện ít nghĩa vụ nhất, trong khi đó người thuộc đẳng cấp dưới cùng có nhiều nghĩa vụ nhất và không được hưởng quyền lợi gì.

Thứ ba, hệ thống được duy trì thông qua việc thực hiện những hình phạt (xã hội và kinh tế) hà khắc khi có bất kỳ hành động nào đi chệch ra khỏi luật định.

Hệ thống đẳng cấp Ấn Độ hiện nay nhìn chung được đánh giá như một hệ thống thứ bậc với một số đặc trưng sau:

Thứ nhất, thành viên trong một đẳng cấp được xác định từ nguồn gốc sinh ra.

Thứ hai, mỗi đẳng cấp là một đơn vị nội hôn.

Thứ ba, thành viên trong từng đẳng cấp theo truyền thống làm công việc rõ ràng.

Thứ tư, đẳng cấp được xếp loại theo một thứ bậc cục bộ mang tính địa phương.

Thứ năm, những quan niệm về nợ bản và trong sạch kiểm soát bản chất và các mối quan hệ giữa các đẳng cấp.

Tóm lại, hệ thống đẳng cấp là sự phân khúc xã hội thành các nhóm nội hôn và truyền từ đời này qua đời khác. Các nhóm này tạo nên một trật tự trong đó những người Brahmin xếp ở vị trí cao còn Dalit xếp ở vị trí đáy⁶.

Hiện nay, Dalit vẫn chiếm 1 số lượng lớn trong cơ cấu dân số Ấn Độ.

Bảng 1. Tỷ lệ phần trăm dân số Dalit qua các năm (%)

Năm thống kê	Tổng dân số (Triệu người)	Dân số SCs (Triệu người)	Phần trăm SCs trong tổng dân số (%)
1961	439,92	64,4	14,7
1971	547,9	80,0	14,6
1981*	665,3	104,8	15,7
1991**	838,6	138,2	16,5
2001***	1028,6	166,6	16,2

Ghi chú: * Trừ bang Assam năm 1981, ** Trừ bang Jammu and Kashmir năm 1991, *** Trừ tiểu khu Mao-Maram, Paomata và Purul của quận Senapati tại Manipur.

Nguồn: Primary Census Abstract, Office of the Registrar General, New Delhi, India, 2001.

Bảng số liệu trên thể hiện cùng với sự gia tăng của dân số Ấn Độ thì số lượng Dalit cũng gia tăng theo tỷ lệ thuận.

Bảng 2. Những khu vực có tỷ lệ Dalit cao nhất của Ấn Độ

Khu vực	Tỉ lệ của Dalit
Mizoram	94,5
Lakshadweep	94,5
Nagaland	98,1
Meghalaya	85,9

(Nguồn: Primary Census Abstract, Office of the Registrar General, New Delhi, India, 2001)

Lịch sử Ấn Độ đã diễn ra nhiều phong trào cải cách và đấu tranh chống lại hệ thống đẳng cấp của cá nhân và tổ chức, như Gautama Budha, Mahavira, các phong trào của Brahma Samaj⁷, Arya Samaj⁸... nhưng cho tới những năm 1930, Gandhi mới là người đầu tiên công nhận phong trào đấu tranh của Dalit và chú ý tới vấn đề này. Tuy nhiên, việc nhìn nhận “vấn đề Dalit” của Gandhi chỉ dừng lại ở mức là một vấn đề xã hội đơn lẻ, trong khi đó phong trào Dalit được dẫn dắt bởi B. R. Ambedkar vào cuối thế kỷ XIX đầu XX đã tạo ra nhiều ảnh hưởng mạnh mẽ. Khác với quan điểm của Gandhi, B. R. Ambedkar coi Dalit còn là một vấn đề kinh tế và chính trị được tạo ra bởi đẳng cấp cao. Và khi Ambedkar trở thành Bộ trưởng Tư pháp đầu tiên thì chính ông đã tiến hành nhiều cải cách luật pháp và đưa vào Hiến pháp.

3. Nguyên nhân thúc đẩy phong trào cải giáo thế kỷ XIX - XX

“Conversion - thay đổi” là một khái niệm chung để chỉ sự chuyển đổi suy nghĩ từ niềm tin này sang niềm tin khác. Quá trình thay đổi bắt đầu với ba nhân tố⁹:

- (1) Một khuynh hướng tìm kiếm câu trả lời cho những điều huyền bí, những bí kịch và những tình huống của cuộc sống thông qua tôn giáo;
- (2) Cảm giác về sự thất vọng kéo dài;
- (3) Niềm tin hiện tại không thể đáp ứng được lòng mong đợi;

Ba nhân tố này thúc đẩy cá nhân trở thành những người đi tìm kiếm tôn giáo.

Vậy, có thể hiểu rằng, về cơ bản cải giáo là quá trình thức tỉnh về nhận thức tôn giáo trong một con người dẫn tới sự chuyển đổi trong cách sống và suy nghĩ, đề cập tới sự chấp nhận một hệ thống niềm tin của một tôn giáo đặc biệt và từ bỏ tôn giáo cũ. Định nghĩa này cũng được sử dụng cho việc chuyển đổi từ chi phái này sang chi phái khác trong cùng một tôn giáo.

Cải giáo không phải là vấn đề mới tại Ấn Độ. Ngay từ trước Công nguyên đã có sự ra đời của Phật giáo và Jain giáo (khoảng thế kỷ VI TCN) cùng hệ thống giáo lý nằm ngoài hệ tư tưởng *Veda*, kêu gọi bình đẳng, lên án chế độ đẳng cấp,... Sự xuất hiện của hai tôn giáo này đem đến những luồng gió tư tưởng mới đậm tính nhân văn nên đã thu hút được rất nhiều tín đồ cải giáo. Bản thân vị sáng lập Phật giáo và Jain giáo (tu sĩ Mahavira) vốn thuộc đẳng cấp Kshastriya, nhưng đều quyết định từ bỏ Hindu giáo để thành lập một giáo phái mới. Tuy nhiên, vấn đề cải giáo được chú ý nhiều hơn được đánh dấu bởi sự xuất hiện của Islam giáo tại Ấn Độ vào thế kỷ VII theo con đường thương mại của các thương gia Arab, đặc biệt dưới sự cai trị của đế chế Mughal khoảng đầu thế kỷ XVI tới giữa thế kỷ XIX. Giai đoạn đáng chú ý nhất là 49 năm cầm quyền của vua Aurangzeb¹⁰ với tư tưởng truyền bá Islam giáo và cải giáo cho người Ấn Độ, ông đã đưa ra nhiều chính sách trong đó có chính sách thuế hà khắc đánh vào những người không theo Islam giáo. Chính bởi vậy, rất nhiều người thuộc các tôn giáo khác đã cải sang Islam giáo để tránh các khoản thuế và hưởng thêm ưu đãi từ chính quyền. Bên cạnh đó, Kitô giáo, Sikh giáo, Hỏa giáo... cũng là những đích đến trong nhiều phong trào cải giáo. Những người cải giáo có thể tới từ nhiều đẳng cấp xã hội khác nhau, tuy nhiên trong bài nghiên cứu này, tôi chỉ tập trung vào phân tích cộng đồng Dalit trong phong trào cải giáo thế kỷ XIX - XX.

Vậy đâu là lý do giải thích cho việc những người Dalit sẵn sàng từ bỏ tôn giáo truyền thống của mình để chuyển sang một tôn giáo khác, một hệ tư tưởng mới, thậm chí đến từ ngoài lãnh thổ dân tộc. Sẽ rất khó có thể hiểu được vấn đề này nếu không tìm hiểu bối cảnh lịch sử, chính trị và xã hội mà ở đó hiện tượng này diễn ra. Việc cải giáo trên diện nhỏ (từng cá nhân) sẽ không gây nhiều chú ý, tuy nhiên cải giáo trên diện rộng (tập trung, số lượng lớn) thường trở thành một vấn đề gây nhiều tranh cãi. Cải giáo không chỉ là đơn thuần là sự thay đổi tôn giáo mà còn được coi như một thách thức

đối với niềm tin và truyền thống của xã hội đang tồn tại. Cải giáo trên quy mô lớn gây xáo động sự cân bằng của xã hội bởi nó thường dẫn tới biến chuyển cơ bản trong quan điểm tôn giáo cũng như chính trị, đạo đức, và đôi khi còn gắn liền với bạo lực và nổi loạn. Chính bởi vậy, cải giáo thường bị coi là mối đe dọa nghiêm trọng tới sự thống nhất quốc gia.

3.1. Cải cách xã hội thế kỷ XIX - XX

Với sự ảnh hưởng của yếu tố Phương Tây, những xung đột giữa nền văn hóa truyền thống với hiện đại, những tương tác trong các hệ tư tưởng đặc biệt mạnh mẽ dưới giai đoạn thuộc Anh, thế kỷ XIX - XX tại Ấn Độ đã chứng kiến sự nở rộ của hàng loạt các cải cách tôn giáo, xã hội. Đây chính là một trong những nhân tố quan trọng tạo ra sự thay đổi căn bản trong cấu trúc cũng như nhận thức xã hội, tạo tiền đề thúc đẩy sự phát triển cho các phong trào đấu tranh giành bình đẳng, kể cả trong lĩnh vực tôn giáo. Charles H. Heimsath¹¹ đã chỉ ra động lực cơ bản thúc đẩy các cải cách xã hội Ấn Độ hiện đại đến từ hai nguồn: *thứ nhất*, chính là sự xuất hiện của nền giáo dục theo mô hình Anh quốc cùng với sự truyền tải tri thức và kinh nghiệm Phương Tây; *thứ hai*, là hoạt động của các đoàn truyền giáo Kitô giáo.

Phong trào cải cách xã hội đầu tiên trong giai đoạn này do Raja Rammohan Roy (1772 - 1833) khởi xướng. Với học vấn uyên bác, ông đã cố gắng kết hợp các giá trị truyền thống Hindu với những nhân tố duy lý của truyền thống Kitô giáo và Islam giáo. Thành công lớn nhất trong lĩnh vực cải cách tôn giáo của ông chính là việc thành lập Brama Samaj năm 1828. Đây là một tổ chức cải cách tôn giáo với mục tiêu làm trong sạch Hindu giáo bằng cách xóa bỏ hình ảnh của Hindu giáo gắn với thờ tượng và các nghi lễ vô nghĩa, mê tín. Tổ chức này được mở rộng cho tất cả mọi người không phân biệt màu da, đẳng cấp, nguồn gốc và tôn giáo, nhấn mạnh giá trị con người. Raja Rammohan Roy không chỉ là một nhà cải cách tôn giáo mà còn là một nhà cải cách xã hội tiêu biểu với nhiều nỗ lực lên án sự khắc nghiệt của chế độ đẳng cấp, ủng hộ kết hôn giữa các đẳng cấp, kêu gọi xóa bỏ tục đa thê, tảo hôn đặc biệt là những đóng góp cho phong trào giành quyền bình đẳng cho phụ nữ, khuyến khích góa phụ tái hôn, giáo dục và có quyền sở hữu tài sản... mà đóng góp lớn nhất chính là hai đạo luật được Chính quyền thuộc địa Anh ban hành: Luật Tái hôn cho góa phụ năm 1856, Luật bãi bỏ Sati năm 1929. Tiếp nối Raja Rammohan Roy, Debendra Nath Tagore (1817

- 1905), sau đó tới Keshub Chandra Sen (1838 - 1884) đã lãnh đạo Bramo Samaj thành phong trào cải cách xã hội dựa trên nguyên tắc tự do cá nhân, thống nhất dân tộc, đoàn kết, hợp tác và dân chủ. Mặc dù ảnh hưởng của Brahmo Samaj vẫn còn hạn chế, chủ yếu tác động tới các nhóm người được giáo dục nhưng đã để lại dấu ấn trong cuộc sống chính trị, xã hội đặc biệt tại Bengal.

Phong trào cải cách thứ hai là Arya Samaj do Swami Dayanand Saraswati (1824 - 1883) khởi xướng vào năm 1875 tại Bombay. Phong trào này tập trung phản đối việc thờ cúng tượng, đa thần, việc những người Brahmin bảo trợ cho các nghi lễ tôn giáo và thực hành mê tín; chủ trương nâng cao bình đẳng xã hội cho phụ nữ, lên án thực hành Untouchability và sự hà khắc của chế độ đẳng cấp, nhấn mạnh vai trò giáo dục. Dayanand cũng là người đầu tiên tán thành khái niệm "Swaraj"¹² và đưa khẩu ra khẩu hiệu chính trị "Án Độ vì người Án Độ".

Bên cạnh Brahmo Samaj và Arya Samaj, còn có hàng loạt các phong trào cải cách xã hội khác diễn ra tại nhiều bang khác nhau trên khắp Án Độ như: Prathana Samaj tại Bombay, Ramakrishna Mission tại trụ sở tại West Bengal, Young Bengal Movement tại Calcutta, Adi-Dravida tại Tamil Nadu¹³... hay phong trào cải cách trong Do Thái giáo Rahanumai Mazdayasanan Sabha năm 1851, phong trào Wahabi, Aligard, và Deoband của Islam giáo, phong trào Satnami trong Sikh giáo... Cùng với các phong trào cải cách của các tổ chức, cá nhân, chính quyền Anh trong giai đoạn này cũng thực hiện nhiều biện pháp mang lại nhiều tác động tích cực mà quan trọng nhất chính là hệ thống giáo dục Anh quốc với khoảng 140 trường đại học, cao đẳng. Từ khi các trường học theo mô hình Anh quốc đầu tiên được thành lập vào khoảng năm 1820, số lượng người Án Độ hưởng nền giáo dục Anh tăng lên nhanh chóng. Năm 1880, khoảng 8 ngàn người hoàn thành giáo dục phổ thông và 500 ngàn hoàn thành giáo dục trung học. Hệ thống này ban đầu được Công ty Đông Án hỗ trợ tài chính, sau đó là chính quyền Anh quốc và chỉ áp dụng cho các trường theo mô hình giáo dục Anh. Bên cạnh đó, người Án cũng thiết lập các trường cao đẳng Hindu, sử dụng chương trình giáo dục tiếng Anh cùng với các môn học khác như toán, khoa học tự nhiên, triết học Phương Tây¹⁴. Sự phát triển giáo dục trong giai đoạn này đã tạo ra một đội ngũ người Án chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Phương Tây.

Cũng trong khoảng thời gian từ những năm 30 của thế kỷ XIX đến những năm 30 của thế kỷ XX, với nỗ lực thay đổi các thể chế xã hội và Tây hóa Ấn Độ, chính quyền Anh cũng tiến hành giảm thiểu nạn phá thai, tục hỏa thiêu góa phụ (1829), tảo hôn (1929), các lễ hiến sinh trong tôn giáo, đồng thời hợp pháp hóa tái hôn cho góa phụ (1856), cho phép người Hindu giáo được cải sang Kitô giáo, từng bước ban hành hệ thống luật hình sự (chính thức năm 1861) dựa trên luật của Anh nhằm mạnh bình đẳng xã hội,... Cùng với các chính sách của nhà cầm quyền, sự hoạt động mạnh mẽ của các đoàn truyền giáo (chủ yếu là Kitô giáo) đến từ Châu Âu cũng mang tới những luồng tư tưởng mới, tạo ra nhiều tác động đặc biệt tới những người thuộc đẳng cấp thấp.

Tuy nhiên, trong các phong trào cải cách xã hội, đặc biệt là phong trào đấu tranh cho quyền lợi của Dalit thì không thể không nhắc tới những đóng góp to lớn của Mahatma Gandhi và Bhimrao Ramji Ambedkar. Xuất phát từ hai đẳng cấp khác nhau, Gandhi và Ambedkar có sự khác biệt trong hướng tiếp cận vấn đề Untouchability. Mahatma Gandhi xuất thân từ đẳng cấp Vaishya nên ông nhìn nhận vấn đề từ quan điểm của một người thuộc đẳng cấp trên muốn xóa bỏ Untouchability bằng con đường cải cách, trong khi B. R. Ambedkar thuộc đẳng cấp Dalit, lại cho rằng vấn đề chính là một phần của Hindu giáo. Mặc dù chưa thực sự mang lại nhiều kết quả nhưng Gandhi đã có nhiều đóng góp cho phong trào giành quyền bình đẳng cho Dalit bằng cách gọi những người đẳng cấp thấp là Harijan - “những đứa con của thần thánh”, và khởi xướng Phong trào Mở cửa Đền (Entry Temple Movement)¹⁵... Phong trào của Gandhi tập trung chủ yếu vào việc nhằm thay đổi suy nghĩ của bộ phận trí thức thuộc đẳng cấp cao trong khi B. R. Ambedkar lại tập trung hướng các cộng đồng Dalit trên khắp cả nước tới mục tiêu nâng cao nhận thức, đồng thời đấu tranh cho các quyền con người cơ bản như kinh tế, xã hội, tôn giáo, cho tới giáo dục, nghề nghiệp... Để thay đổi nhận thức, Ambedkar cố gắng giải thích nguồn gốc của chế độ đẳng cấp, bản chất của Hindu giáo và gắn Dalit vào một lịch sử huy hoàng như “những người con của đất mẹ” nhằm giúp họ có một đặc điểm khác không dựa trên đẳng cấp, giành lại sự tôn trọng và vượt qua những rào cản phân chia. B. R. Ambedkar cũng là người góp công lớn trong việc thành lập Bahish Hitakarini Sabha (BHS) - một cơ quan trung tâm của Dalit theo nguyên tắc “Giáo dục, Đấu tranh và Tổ chức” với mục tiêu chính là:

(1) Thúc đẩy giáo dục trong cộng đồng đẳng cấp thấp bằng cách mở các kỹ túc xá giá rẻ cho học sinh, sinh viên, công nhân,...

(2) Thúc đẩy lan rộng văn hóa trong cộng đồng đẳng cấp thấp bằng cách mở các thư viện, trung tâm xã hội, các lớp hoặc nhóm học.

(3) Phát triển điều kiện kinh tế của đẳng cấp thấp bằng thông qua việc thành lập các trường nông nghiệp, công nghiệp.

(4) Đại diện cho tiếng nói của những người thuộc đẳng cấp thấp.

Sở dĩ phong trào đấu tranh và cải cách xã hội của Ambedkar mang lại nhiều tác động to lớn vì hoạt động cơ bản của các phong trào trước đó không vượt ra khỏi quỹ đạo đẳng cấp cao với mục tiêu tái cấu trúc xã hội, khởi đầu từ phía trên xuống chứ không phải từ dưới đáy¹⁶. Ambedkar cũng là người tiên phong mở ra một con đường mới thoát khỏi số phận Untouchability. Trong bài phát biểu tại hội nghị của các đẳng cấp thấp họp tại Yeola, bang Maharashtra năm 1935, ông kêu gọi đẳng cấp thấp từ bỏ Hindu giáo để cải sang một tôn giáo khác mang lại cho họ giá trị, sự bình đẳng và sự tự do khi tuyên bố: “Những bất công mà chúng ta phải trải qua và những nhục nhã chúng ta phải chịu đựng là kết quả của việc chúng ta là thành viên của cộng đồng Hindu giáo. Sẽ tốt hơn không nếu chúng ta rời bỏ cộng đồng này và đi theo một niềm tin mới cho chúng ta vị trí bình đẳng, an toàn và được đối xử chính đáng. Nhưng, để làm vậy, chúng ta cần thận trọng trong việc chọn lựa niềm tin mới mà ở đó sự bình đẳng về vị trí và cơ hội được bảo đảm... Không may mắn khi tôi được sinh ra là một Hindu Untouchable. Việc ngăn chặn điều này vượt ra ngoài khả năng của tôi, nhưng tôi tuyên bố rằng tôi có khả năng để từ chối sống trong những điều kiện thấp hèn, nhục nhã. Tôi chỉ muốn khẳng định rằng tôi sẽ không chết như một người Hindu”¹⁷. Đó chính là sự khác biệt mà Ambedkar đã làm được khi mang lại nhận thức cơ bản cho Dalit về vấn đề được giúp đỡ và tự giúp đỡ.

Như vậy, mục tiêu của các phong trào cải cách xã hội trong giai đoạn này tập trung vào việc thay đổi cấu trúc xã hội, đấu tranh xóa bỏ các hủ tục,... Đó không chỉ còn là cuộc đấu tranh riêng lẻ mà đã trở thành một phong trào mạnh mẽ, không khoan nhượng, có tổ chức, đường lối, mục tiêu rõ ràng, trong đó cải giáo xuất hiện như một lựa chọn mới.

3.2. Nhân tố chính trị

Năm 1858, sau khi cuộc khởi nghĩa của binh lính thất bại, Ấn Độ chính thức trở thành thuộc địa của Anh. Trong suốt giai đoạn kiểm soát đất nước này, người Anh đã sử dụng chính sách “chia để trị” như một công cụ để duy trì nền cai trị chuyên chế. Chính sách này về cơ bản là sự phân chia xã hội theo sắc tộc và tôn giáo. Chính vì vậy đã tạo ra những bất đồng gay gắt giữa các nhóm xã hội. Mặc dù chính quyền Anh duy trì chính sách không can thiệp vào các hoạt động tôn giáo của người Ấn Độ, nhưng sự mở đường cho Kitô giáo tự do truyền giáo cùng với sự lo sợ của cộng đồng Ấn Độ về một Ấn Độ Kitô giáo cũng gây ra nhiều xung đột. Ý định của người Anh khi đưa ra chính sách hỗ trợ giáo dục kiểu Anh không chỉ nhằm nâng cao nhận thức, trình độ mà còn để tạo ra một đội ngũ với “thân thể Ấn Độ và tư tưởng thuộc Anh”. Nhận thức được sự phát triển nhanh chóng của lực lượng này, ngày 28/12/1885, chính quyền Anh ủng hộ việc thành lập Đảng Quốc đại Ấn Độ như một kênh đối thoại nhằm mục đích kiểm soát tầng lớp trí thức học Anh. Tuy nhiên, trái ngược với dự tính ban đầu, Đảng Quốc đại trở thành một đảng chính trị đại diện cho người Ấn Độ và đóng vai trò then chốt trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Mặc dù có sự tiếp cận những luồng tư tưởng mới và hệ thống cai trị Phương Tây, nhưng chế độ đẳng cấp trong giai đoạn này không hề giảm đi mà thậm chí còn trở nên gay gắt hơn. Người Anh lo sợ về sự can thiệp vào chế độ đẳng cấp sẽ tạo ra nhiều bất ổn và xung đột trong xã hội vì “hệ thống đẳng cấp không chỉ là một hệ thống xã hội... mà còn đóng vai trò là chất kết dính, vừa là lực hút cũng đồng thời là lực đẩy, tác động và hình thành mọi mối quan hệ sống, kết nối hàng triệu người trong xã hội Ấn Độ. Để phá hủy hệ thống này sẽ cần nhiều hơn cả một cuộc cách mạng, sẽ giống như việc rút bỏ nhân tố quan trọng như trọng lực. Trật tự này biến mất thì sự hỗn loạn sẽ thống trị”¹⁸. Chính bởi vậy, thay vào việc xóa bỏ hoàn toàn đẳng cấp thì chính quyền Anh thực hiện hệ thống hóa, phân loại hóa trong điều tra dân số, tiến hành một số biện pháp nhằm xoa dịu đẳng cấp thấp như đào giếng riêng, xây trường riêng, hạn ngạch giữ chỗ,... Những chính sách nước đôi này không những không nâng được điều kiện sống của Dalit mà còn góp phần gia tăng sự phân biệt đẳng cấp trong xã hội.

Trong khi đó, Đảng Quốc đại (đa phần thành viên thuộc đẳng cấp cao), với hệ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa, nỗ lực duy trì trật tự vốn có của

xã hội. Giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX chứng kiến sự bất đồng mạnh mẽ giữa Đảng Quốc đại - đại diện là Mahatma Gandhi và Jawaharlal Nehru, trong việc đề cao phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc với đại diện của phong trào Dalit B. R. Ambedkar xoay quanh vấn đề bình đẳng cho Dalit và hệ thống đẳng cấp. Vốn xuất phát từ hai điểm nhìn khác nhau từ trên xuống và từ dưới lên, nên đã tạo nên hai quan điểm trái ngược. Gandhi và Nehru chủ trương bảo lưu giá trị Hindu dân tộc, coi Untouchability giống như một vấn đề xã hội cần thay đổi bằng cách thực hiện nhiều biện pháp mang lại điều kiện sống tốt hơn cho Dalit. Ngược lại, Ambedkar lại coi Untouchability không chỉ là một vấn đề xã hội đơn thuần mà nằm trong chính Hindu giáo. Chính bởi vậy, ông có xu hướng nghiêng về phía chính quyền Anh vì tin rằng người Anh có thể mang lại cho Dalit nhiều hơn là một đảng bị thống trị bởi đa số đẳng cấp cao. Bất đồng leo thang giữa hai bên khi Ambedkar đề xuất về việc trao quyền chính trị cho Dalit bằng cách đưa ra hạn ngạch giữ chỗ và khu bầu cử riêng cho đẳng cấp thấp. Điều này vấp phải sự phản đối của Đảng Quốc đại khi không muốn tách cộng đồng Dalit ra khỏi hệ thống Hindu giáo, tuy nhiên, thỏa thuận cuối cùng cũng được đưa ra với ý kiến đồng ý về hạn ngạch duy trì ghế cho Dalit trong Hiệp ước Poona (1932). Mặc dù bất đồng trong nhiều vấn đề nhưng sau khi độc lập, Ambedkar quyết định tham gia và giữ vai trò quan trọng trong chính quyền liên bang. Với tư cách đứng đầu Ủy ban soạn thảo Hiến pháp, Ambedkar đã góp phần mang lại nhiều quyền lợi cho Dalit thông qua các điều luật trong Hiến pháp. Bên cạnh đó, việc nắm giữ vị trí cao trong chính phủ đã tạo nhiều điều kiện cho Ambedkar đưa cộng đồng Dalit tham gia vào chính trị quốc gia thông qua ý tưởng về chính sách duy trì ghế trong quốc hội, các cơ quan cấp bang và liên bang cũng như trong các khu vực nhà nước.

Cùng với những đóng góp của Ambedkar thì trong giai đoạn trước và sau độc lập cũng chứng kiến sự xung đột gay gắt giữa hai cộng đồng tôn giáo lớn tại Ấn Độ là Hindu giáo và Islam giáo mà hệ lụy tiêu biểu chính là sự phân tách thành hai quốc gia riêng biệt Ấn Độ (Hindu giáo) và Pakistan (Islam giáo). Sự kiện này cũng gây ra tác động lớn tới phong trào cải giáo.

Dù tuyên bố là một quốc gia theo chủ nghĩa thế tục với quyền bình đẳng cho mọi tôn giáo nhưng với dân số đông và hơn 80% lại là người Hindu giáo thì việc duy trì sự cân bằng khó có thể đạt được mong

muốn, đặc biệt là vào giai đoạn cuối thế kỷ XX khi Đảng Bharatiya Janata (BJP) với hệ tư tưởng chủ nghĩa dân tộc Hindu giáo được thành lập và ngày càng lớn mạnh, nắm quyền kiểm soát ở nhiều bang trở thành đối thủ cạnh tranh lớn với con đường “thế tục” của Đảng Quốc đại. BJP với sự hỗ trợ của các tổ chức như Rashtriya Swayamsevak Sangh (RSS), Bajrang và Vishva Hindu Parishad (VHP) - gọi tắt là nhóm Parivar - chủ trương Hindu giáo hóa toàn bộ Ấn Độ thông qua nhiều hoạt động nhằm truyền bá tư tưởng Hindutva đã có tác động lớn tới những cộng đồng “thiểu số” khác (đặc biệt là Kitô giáo và Islam giáo cũng như cộng đồng Dalit cải sang hai tôn giáo này). Tại các bang do BJP nắm quyền, hoạt động của các đoàn truyền giáo bị hạn chế và căng thẳng cũng leo thang giữa những cộng đồng “thiểu số” với các nhóm Hindu giáo cực đoan (tiêu biểu là xung đột Islam giáo và Hindu giáo). Giai đoạn những năm 1990 chứng kiến sự xung đột gay gắt giữa các đoàn truyền giáo Kitô giáo và Parivar, đặc biệt tại các khu vực sinh sống của các bộ tộc xung quanh vấn đề cải giáo và tái cải giáo. Để phản ứng với các hỗ trợ giáo dục, y tế mà các nhóm Kitô giáo đưa ra, nhóm Parivar cũng bắt đầu xây dựng trường học và các dịch vụ xã hội khác tại khu vực. Bên cạnh đó, các nhóm Hindu giáo cực đoan cũng tiến hành các cuộc tấn công bạo lực nhằm vào giáo đoàn Kitô giáo. Đáp trả lại, cộng đồng Kitô giáo tổ chức các cuộc biểu tình quy mô lớn và cho in ấn nhiều thông cáo nhằm nâng cao nhận thức, thu hút sự ủng hộ từ công chúng. Tháng 10/1999, trước diễn biến ngày càng leo thang, Thủ tướng Ấn Độ Atal Bihari Vajpayee (đồng thời là lãnh đạo của đảng BJP) phải kêu gọi một cuộc thảo luận quốc gia về vấn đề cải giáo. Các nhóm Parivar buộc tội chiến dịch cải giáo của Kitô giáo gây ra những bạo lực trong khu vực, làm xói mòn văn hóa và tôn giáo Hindu, đồng thời yêu cầu chính phủ phải tiến hành các biện pháp cứng rắn như: ban hành lệnh cấm toàn bộ việc cải giáo, bảo đảm những người đã cải giáo có thể quay trở lại Hindu giáo, thu hồi các quyền lợi thuộc STs khỏi những bộ tộc đã cải giáo, cấm nguồn hỗ trợ từ nước ngoài của các đoàn truyền giáo Kitô tại Ấn Độ và đệ trình một điều luật Hiến pháp ngăn chặn cải giáo. Lời kêu gọi của Thủ tướng về một cuộc thảo luận quốc gia nhìn chung không nhận được sự ủng hộ từ phía cộng đồng Kitô giáo - những người coi đó là một chiến lược của Parivar để thay đổi quyền tự do tôn giáo cơ bản trong Hiến pháp 1950. Giáo hội cho rằng, vấn đề không nằm ở việc cải giáo bởi vì không hề có bằng chứng nào chứng

minh các đoàn truyền giáo thực hiện cải giáo “bắt buộc” tại khu vực các bộ tộc sinh sống mà nguyên nhân của vấn đề chính là hướng tiếp cận cục đọan của Parivar hướng tới các nhóm thiểu số trong xã hội. Cho tới nay, những bất đồng, xung đột giữa các nhóm Hindu giáo năng động với các nhóm tôn giáo khác vẫn tiếp tục diễn ra, gây ảnh hưởng không nhỏ tới các chính sách hướng tới vấn đề tôn giáo trong cả chính phủ cũng như phong trào cải giáo của cộng đồng đẳng cấp thấp tại Ấn Độ.

3.3. Nhân tố lợi ích

Cho dù Ấn Độ hiện tại có những thành tựu vượt bậc về kinh tế và khoa học công nghệ cùng những cam kết quốc tế về quyền con người, các điều luật bình đẳng... thì tình trạng Dalit qua nhiều thế kỷ vẫn chưa được cải thiện đáng kể. Những con người ấy vẫn đang tiếp tục nỗ lực tìm con đường thoát khỏi vị trí đáy cùng của xã hội. Như Ambedkar đã phân tích, đẳng cấp và Untouchability nằm trong chính bản chất của Hindu giáo, bởi vậy muốn thoát khỏi điều đó, con đường duy nhất là chuyển sang một tôn giáo khác đề cao giá trị nhân văn và con người. Với hệ tư tưởng đề cao bình đẳng giữa người với người và không có đẳng cấp thì Phật giáo, Kitô giáo và Islam giáo là ba tôn giáo được lựa chọn để cải sang nhiều nhất trong cộng đồng Dalit. Về mặt lý thuyết, việc rời bỏ Hindu giáo sang tôn giáo khác có nghĩa là Dalit không còn bị ràng buộc bởi hệ thống đẳng cấp, đồng thời cũng có nghĩa không còn phải chịu sự phân biệt đối xử đối với người đẳng cấp thấp. Đó chính là mục tiêu đầu tiên mà những nhóm Dalit cải giáo hướng tới.

Cùng với đó, việc cải giáo cũng mang lại nhiều tác động tích cực cho cuộc sống của Dalit - vốn là cộng đồng có tỷ lệ nghèo đói cao nhất. Nhiều người theo chủ nghĩa dân tộc Hindu giáo cho rằng việc Dalit cải sang tôn giáo khác, đặc biệt là Kitô giáo, không phải vì niềm tin mà vì lợi ích vật chất do các đoàn truyền giáo mang tới. Trái ngược với ý kiến đó, Ambedkar trong bài phát biểu tại phiên họp ở Dadar (Bombay) ngày 31/5/1936, khẳng định “Tôn giáo sinh ra vì con người chứ không phải con người vì tôn giáo”¹⁹. Ông cho rằng, các đoàn truyền giáo (đặc biệt là Kitô giáo) đã đặt trọng tâm vào việc nâng cao giá trị nhân văn của cuộc sống con người trái ngược với Hindu giáo và Untouchability. Khi những đoàn truyền giáo Kitô giáo đầu tiên tới Ấn Độ, nhiều Dalit chấp nhận niềm tin mới vì Kitô giáo truyền giảng rằng, tất cả mọi người đều bình đẳng trước Chúa và lần đầu tiên mang tới cho Dalit cảm nhận về lòng tự

trọng. Đối với Dalit, Kitô giáo là một tôn giáo đầy sức hấp dẫn và các đoàn truyền giáo tại Ấn Độ luôn tập trung hỗ trợ cho những người nghèo thông qua các chương trình tích cực cho xã hội như xây dựng trường học, bệnh viện, thư viện, cung cấp việc làm, quỹ hỗ trợ, học bổng,... theo cách mà Hindu giáo không thể làm được.

Ví dụ, trong suốt giai đoạn diễn ra nạn đói lớn năm 1876, đoàn truyền giáo của John Clough đã có nhiều hỗ trợ về tài chính, thuốc chống dịch tả, đặc biệt là thực hiện hợp đồng đào một phần kênh đào Buckingham dài 3,5 dặm. Trong đó, Clough đã bổ nhiệm một nhà thuyết giáo Dalit làm đốc công, bởi vậy có thể thuê một số lượng lớn lao động người Dalit - những người nhận ra rằng, họ sẽ được đối xử tốt hơn từ những người cùng thuộc Dalit so với người thuộc đẳng cấp cao điều hành nếu như cùng dự án²⁰. Giống như Kitô giáo, Islam giáo cũng bảo đảm lương thực, nơi ở, giáo dục, hỗ trợ y tế cho tất cả mọi người kể cả những người nghèo, thất nghiệp,... như Dalit thông qua các quỹ từ Zakah và Sadaqah.

Về mặt lý thuyết, khi từ bỏ Hindu giáo cải sang các tôn giáo khác, Dalit không những sẽ thoát khỏi những hệ lụy của đẳng cấp mà còn có thể có được nhiều lợi ích vật chất khác nâng cao chất lượng đời sống. Trong giai đoạn thế kỷ XIX - XX, với sự tác động của các yếu tố xã hội, kinh tế, chính trị, phong trào cải giáo của Dalit có nhiều thay đổi không chỉ về quy mô. Nhiều tổ chức Dalit được thành lập, như Liên minh Đảng cấp thấp (Scheduled Castes Federation) năm 1942 (tiền thân Đảng Lao động được thành lập bởi Ambedkar. SCF sau này phát triển thành Đảng Cộng hòa Ấn Độ); Đoàn kết Dalit (Dalit Solidarity, năm 2000); Liên minh Quốc gia các Tổ chức Dalit (National Confederation of Dalit Organizations, năm 2001); Những con báo Dalit Ấn Độ (The Dalit Panthers of India, năm 2005)... đã chứng tỏ sự phát triển của phong trào đấu tranh giành bình đẳng cho Dalit không chỉ còn là những hoạt động nhỏ lẻ mà đã trở thành cuộc đấu tranh có quy mô lớn trên tất cả mọi khía cạnh của cuộc sống.

(Kỳ sau đăng tiếp)

CHÚ THÍCH:

- 1 *Population Growth (Annual %)*, World Bank, Retrieved 20 January, 2015.
- 2 *The Indian Express*, December 27, 2006.

- 3 Harijan nghĩa là “đưa con của thần thánh” là từ được Mohandas Karamchand Gandhi sử dụng để chỉ những người Dalit.
- 4 “Adi Dravida”, “Adi Karnataka”, “Adi Andhra” và “Adi-Dharmi” là những từ lần lượt được sử dụng ở bang Tamil Nadu, Karnataka, Andhra Pradesh and Punjab trong các văn bản chính thức. Tiền tố Adi được thêm vào có nghĩa là “cư dân ở ngoài vùng đất”.
- 5 International Dalit Solidarity Network, 2006 [2]
- 6 Akshayakumar Ramanlal Desai (2005), *Social Background of Indian Nationalism*, Popular Prakashan, Mumbai: 214.
- 7 Brahma Samaj trong ngôn ngữ Sanskrit nghĩa là “cộng đồng thờ thần Brahman” là một trong những phong trào cải cách tôn giáo có ảnh hưởng nhất tại Ấn Độ, được bắt đầu vào tháng 8 năm 1828 bởi Raja Ram Mohan Roy. Trong lĩnh vực xã hội, phong trào này tập trung xóa bỏ hệ thống đẳng cấp, giải phóng phụ nữ và thúc đẩy giáo dục.
- 8 Arya Samaj là một phong trào cải cách Hindu giáo được sáng lập bởi Swami Dayananda vào ngày 7 tháng 4 năm 1875. Nguyên tắc của Arya Samaj cũng phân đôi thực hành đa thần, thờ ảnh tượng, hiến sinh động vật, hành hương, hệ thống đẳng cấp, untouchability và tảo hôn.
- 9 Henry Newton Malony (1998), “The Psychology of Religious Conversion”, *International Coalition for Religious Freedom Conference on “Religious Freedom and the New Millenium”*, Tokyo, Japan, May, 23 - 25.
- 10 Muhi ud-din Muhammad Aurangzeb Bahadur Alamgir I, được biết phổ biến hơn với tên gọi Aurangzeb (1618 - 1707) là vị Hoàng đế Mughall thứ 6, trị vì từ năm 1658 đến khi qua đời 1707. Ông là Hoàng đế Mughall thứ hai có thời gian trị vì lâu dài nhất, sau Akbar. Dưới thời Aurangzeb, đế quốc Mughall có lãnh thổ rộng lớn và chế độ quân chủ Ấn Độ đạt tới đỉnh cao.
- 11 Charles H. Heimsath (1964), *Indian Nationalism and Hindu Social Reform*, Oxford University Press.
- 12 Swaraj - “tự trị” là từ được Gandhi sử dụng trong phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của người Ấn từ tay thực dân Anh.
- 13 Prarthana Samaj do Mahadev Gobin Ranade và Atmaram Pandurang thành lập năm 1867, là phong trào cải cách xã hội với chủ trương tin vào tình thương yêu của thần thánh đối với tất cả mọi người không phân biệt tôn giáo. *Ramakrishna Mission* do Swami Vivekananda thành lập năm 1896, chủ yếu thực hiện các chương trình nhân đạo, công tác xã hội cho tất cả mọi người, đặc biệt đối với người nghèo, chủ trương hài hòa tôn giáo. *Young Bengal Movement* do Henry Louis Vivian Derozio cùng với một số trí thức trẻ Bengali thành lập năm 1905 tại Calcutta. Phong trào tập trung vào việc xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, ủng hộ quyền cho phụ nữ, khuyến khích tự do ngôn luận và đặc biệt chống lại Hindu giáo bằng cách khuyến khích thành viên uống rượu, ăn thịt bò,... Adi-Dravida là phong trào của những người Dalit tại bang Tamil Nadu, do nhà hoạt động xã hội Periyar Ramasami khởi xướng với mục tiêu xóa bỏ chế độ đẳng cấp và sự phân chia xã hội.
- 14 Sebastian Sanne, *British Colonialism in India and Its Influence on Indian Society*: 11.

- 15 Trong phòng trào Entry Temple Movement, Gandhi tuyên bố với tất cả những người ủng hộ rằng, ông sẽ nhịn ăn cho tới chết (fast unto death) nếu những ngôi đền của họ không mở cửa cho Dalit vào.
- 16 Dhananjay Keer (1990), *Dr. Ambedkar: Life and Mission*, Published by Ramdas Bhatkal for Popular Prakashan Pvt. Ltd.: 56.
- 17 Christopher Jaffrelot (2005), “Dr. Ambedkar’s Strategies against Untouchability and the Caste System”, *Indian Institute of Dalit Studies*, Vol 3: 12.
- 18 Sasha Riser-Kositsky (2009), “The Political Intensification of Caste: India Under the Raj”, *Penn History Review*, Vol. 17: 5.
- 19 Michael S. M. (1999), *Untouchable, Dalits in Modern India*, Lynne Rienner Publishers, ISBN 978-1-55587-697-5, tr.23.
- 20 Joseph McQuade (2012), *Protestant Missions and Dalit Mass Movements in Nineteenth Century India*: 7.

Abstract

“DALIT” AND CONVERSION MOVEMENT IN INDIA IN THE 19th AND 20th CENTURIES

After approximately 70 years of the Independence, million people belonging to “Dalit” caste have been suffering from the extreme discrimination. Therefore, Dalit people had to find the way to escape from this situation. In the first part of this research, the author mentioned the measures which were chosen by the low caste communities in India in the 19th and 20th centuries in order to abandon Hinduism and convert to the other religious belief. This movement was also called “conversion movement” of the low caste people.

Keywords: India, Dalit, conversion, Hinduism, Islam, Christianity, Buddhism.